## CHỨC DANH NGÀNH Y TẾ

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Lao động số 324 –LĐ/QĐ ngày 19-12-1984 ban hành bản danh mục số 1 các chức danh đầy đủ viên chức ngành y tế.**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

*Căn cứ quyết định số 36-CP ngày 2-2-1980 của Hội đồng Chính phủ và chỉ thị số 277-TTg ngày 1-10-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước;*

*Căn cứ quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước;*

*Căn cứ điểm 2 chỉ thị số 124-HĐBT ngày 7-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế và kết luận của cuộc họp Tiểu ban danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức Nhà nước ngày 12-10-1984,*

QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay ban hành bản danh mục số 1 chức danh đầy đủ các chức vụ viên chức ngành y tế gồm 441 chức danh (có bản danh mục kèm theo).

**Điều 2.** — Căn cứ bản danh mục này, Bộ Y tế tiến hành xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ và tổ chức hướng dẫn thực hiện hệ thống chức danh viên chức này trong toàn ngành nhằm đem lại hiệu quả thiết thực, làm cho bộ máy gọn nhẹ, tăng cường hiệu lực quản lý trên mọi mặt công tác.

**Điều 3.** — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với văn bản này đều bãi bỏ.

**Điều 4.** — Bộ trưởng Bộ Y tế và các Bộ có liên quan, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và cơ sở có sử dụng các chức danh viên chức ngành y tế có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Lao động
ĐÀO THIỆN THI

**BẢN DANH MỤC SỐ 1 chức danh đầy đủ các chức vụ viên chức ngành y tế.**

*1. NỘI DUNG BẢN DANH MỤC SỐ 1 NGÀNH Y TẾ*

Căn cứ quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định trong bản danh mục số 1 (chức danh gốc) đã ban hành; bản danh mục số 1 chức danh đầy đủ các viên chức ngành y tế được ban hành theo quyết định số 324-LĐ/QĐ ngày 19-12-1984 bao gồm 441 chức danh, cụ thể như sau:

*Loại A: Viên chức lãnh đạo: Nhóm 9*: 79 chức danh đầy đủ; *Nhóm 8*: 173 chức danh đầy đủ.

*Loại B: Viên chức chuyên môn: Nhóm 5*: 187 chức danh đầy đủ.

*Loại C: Viên chức thực hành nghiệp vụ và kỹ thuật: Nhóm O*: 2 chức danh đầy đủ.

*2. QUY ĐỊNH SỬ DỤNG*

Dựa theo quy định về phạm vi sử dụng đối với mỗi chức danh ghi trong bản danh mục số 1 các chức danh đầy đủ của ngành y tế, Bộ y tế tiến hành xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ và hướng dẫn cho các đơn vị áp dụng. Mỗi chức danh đầy đủ được sử dụng trong thực tế phải có nội dung lao động đúng với luận chứng khoa học đã nghiên cứu khi hình thành các chức danh đó và Bộ Y tế hướng dẫn nội dung cho từng cơ sở, từng viên chức. Khi có trường hợp thay đổi các nội dung lao động, cơ quan chủ quản phải báo cáo với Bộ Y tế và được sự thống nhất của Bộ Lao động (theo điều 2 của quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng) về sự sửa đổi hoặc ngoại lệ.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

*3. BẢN DANH MỤC SỐ I CHỨC DANH ĐẦY ĐỦ CÁC CHỨC VỤ VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ:*

| Số thứ tự | Nhóm | Chức danh gốc 117-HĐBT | Mã số | Chức danh đầy đủ | Phạm vi áp dụng |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | 9 | Bộ trưởng | 9010 | Bộ trưởng Bộ Y tế | Bộ Y tế |
| 2 | | | 9011 | Thứ trưởng thứ nhất Bộ Y tế | Bộ Y tế |
| 3 | | | 9012 | Thứ trưởng Bộ Y tế | Bộ Y tế |
| 4 | | Giám đốc | 9080 | Giám đốc bệnh viện ngoại khoa trung ương | Bệnh viện Việt Nam — Cộng hòa dân chủ Đức |
| 5 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện đa khoa trung ương | Bệnh viện Bạch Mai, Huế, Chợ Rẫy, Thái Nguyên, Đồng Hới, Uông Bí |
| 6 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện đa khoa ngoại kiều | Bệnh viện quốc tế |
| 7 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện đa khoa các ngành | Các bệnh viện đa khoa các ngành |
| 8 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh, thành phố | Các bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh, thành phố |
| 9 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh, thành phố | Các bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh, thành phố |
| 10 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện đa khoa huyện, quận | Các bệnh viện đa khoa huyện, quận |
| 11 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện nội tiết | Bệnh viện nội tiết |
| 12 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện ung thư (bệnh viện K) | Bệnh viện ung thư |
| 13 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện tâm thần trung ương | Bệnh viện tâm thần trung ương |
| 14 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện tâm thần tỉnh, thành phố | Các bệnh viện tâm thần tỉnh, thành phố |
| 15 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện lao trung ương | Bệnh viện 71 và 74 |
| 16 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện lao tỉnh, thành phố | Các bệnh viện lao tỉnh, thành phố |
| 17 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện cán bộ trung ương các cấp | Bệnh viện Việt — Xô, E, Gl, C, Thống Nhất |
| 18 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện y học dân tộc tỉnh, thành phố | Các bệnh viện y học dân tộc tỉnh, thành phố |
| 19 | 9 | Giám đốc | 9080 | Giám đốc bệnh viện nhi tỉnh, thành phố | Các bệnh viện nhi tỉnh, thành phố |
| 20 | | | | Giám đốc bệnh viện phụ sản tỉnh, thành phố | Các bệnh viện phụ sản tỉnh, thành phố |
| 21 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện truyền nhiễm tỉnh, thành phố | Các bệnh viện truyền nhiễm tỉnh, thành phố |
| 22 | | | 9080 | Giám đốc bệnh viện da liễu tỉnh, thành phố | Các bệnh viện da liễu tỉnh, thành phố |
| 23 | | | 9080 | Giám đốc nhà hộ sinh quận, thị | Các nhà hộ sinh quận, thị |
| 24 | | | 9080 | Giám đốc khu điều trị phong trung ương | Các khu điều trị phong trung ương |
| 25 | | | 9080 | Giám đốc khu điều trị phong tỉnh, thành phố | Các khu điều trị phong tỉnh, thành phố |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 26 | | | 9080 | Giám đốc trung tâm tuyên truyền bảo vệ sức khỏe | Trung tâm tuyên truyền bảo vệ sức khỏe |
| 27 | | | 9080 | Giám đốc nhà xuất bản y học | Nhà xuất bản y học |
| 28 | | | 9080 | Giám đốc nhà điều dưỡng trung ương | Nhà điều dưỡng A,B |
| 29 | | | 9080 | Giám đốc nhà điều dưỡng tỉnh, thành phố | Các nhà điều dưỡng tỉnh, thành phố |
| 30 | | | 9080 | Giám đốc Sở y tế tỉnh, thành phố, đặc khu | Các Sở Y tế tỉnh, thành phố, đặc khu |
| 31 | | | 9080 | Giám đốc công ty dược phẩm trung ương | Các công ty dược phẩm cấp I |
| 32 | | | 9080 | Giám đốc công ty dược phẩm tỉnh, thành phố | Các công ty dược phẩm cấp II |
| 33 | | | 9080 | Giám đốc công ty dược liệu trung ương | Các công ty dược liệu cấp I |
| 34 | | | 9080 | Giám đốc công ty dược liệu tỉnh, thành phố | Các công ty dược liệu cấp II |
| 35 | | | 9080 | Giám đốc công ty giao nhận hàng y tế | Công ty giao nhận hàng y tế |
| 36 | | | 9080 | Giám đốc xí nghiệp liên hợp dược tỉnh, thành phố | Các xí nghiệp liên hợp dược tỉnh, thành phố |
| 37 | | | 9080 | Giám đốc xí nghiệp dược phẩm trung ương | Các xí nghiệp dược cấp I |
| 38 | | | 9080 | Giám đốc xí nghiệp dược phẩm tỉnh, thành phố | Các xí nghiệp dược cấp II |
| 39 | | | 9080 | Giám đốc xí nghiệp hóa dược | Xí nghiệp hóa dược |
| 40 | | | 9080 | Giám đốc xí nghiệp bao bì dược | Xí nghiệp bao bì dược |
| 41 | 9 | Hiệu trưởng | 9090 | Hiệu trưởng trường đại học y Hà Nội | Các trường đại học y Hà Nội, Thái Bình, Thái Nguyên, Huế |
| 42 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường đại học y Thái Bình | |
| 43 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường đại học y Thái Nguyên | |
| 44 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường đại học y Huế | |
| 45 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường đại học y dược | Trường đại học y và dược thành phố Hồ Chí Minh |
| 46 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường đại học dược | Trường đại học dược |
| 47 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường cán bộ quản lý ngành y tế | Trường cán bộ quản lý ngành y tế |
| 48 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường cao đẳng y trung ương | Trường cao đẳng y Hà Nam Ninh |
| 49 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường cao đẳng y tỉnh, thành phố | Các trường cao đẳng y tỉnh, thành phố |
| 50 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường trung học y học | Trường trung học y học dân tộc |
| 51 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường trung học kỹ thuật y tế trung ương | Trường trung học kỹ thuật y tế trung ương |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 52 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường trung học kỹ thuật dược trung ương | Trường trung học kỹ thuật dược trung ương |
| 53 | | | 9090 | Hiệu trưởng trường trung học y tế tỉnh, thành phố | Các trường trung học y tế tỉnh, thành phố |
| 54 | 9 | Tổng giám đốc | 9130 | Tổng giám đốc liên hiệp các xí nghiệp dược Việt Nam | Liên hiệp các xí nghiệp dược Việt Nam |
| 55 | | Viện trưởng | 9190 | Viện trưởng viện kiểm nghiệm dược phẩm | Viện kiểm nghiệm dược phẩm |
| 56 | | | 9190 | Viện trưởng viện dược liệu | Viện dược liệu |
| 57 | | | 9190 | Viện trưởng viện vệ sinh dịch tễ Hà Nội | Viện vệ sinh dịch tễ Hà Nội, Tây Nguyên, Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh |
| 58 | | | 9190 | Viện trưởng viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên | |
| 59 | | | 9190 | Viện trưởng viện vệ sinh dịch tễ Nha Trang | |
| 60 | | | 9190 | Viện trưởng viện vệ sinh dịch tễ thành phố Hồ Chí Minh | |
| 61 | | | 9190 | Viện trưởng viện vệ sinh thành phố Hồ Chí Minh | Viện vệ sinh thành phố Hồ Chí Minh |
| 62 | | | 9190 | Viện trưởng viện sốt rét ký sinh trùng và côn trùng | Viện sốt rét ký sinh trùng và côn trùng |
| 63 | | | 9190 | Viện trưởng viện giám định y khoa | Viện giám định y khoa |
| 64 | | | 9190 | Viện trưởng viện Vácxin | Viện Vácxin |
| 65 | | | 9190 | Viện trưởng viện mắt | Viện mắt |
| 66 | | | 9190 | Viện trưởng viện phụ sản | Viện bảo vệ bà mẹ trẻ em |
| 67 | | | 9190 | Viện trưởng viện y học dân tộc | Các viện y học dân tộc |
| 68 | | | 9190 | Viện trưởng viện bảo vệ sức khỏe trẻ em | Viện bảo vệ sức khỏe trẻ em |
| 69 | | | 9190 | Viện trưởng viện lao và bệnh phổi | Viện lao và bệnh phổi |
| 70 | | | 9190 | Viện trưởng viện tai mũi họng | Viện tai mũi họng |
| 71 | | | 9190 | Viện trưởng viện da liễu | Viện da liễu |
| 72 | | | 9190 | Viện trưởng viện dinh dưỡng | Viện dinh dưỡng |
| 73 | | | 9190 | Viện trưởng viện răng hàm mặt | Viện răng hàm mặt |
| 74 | | | 9190 | Viện trưởng viện công nghiệp dược | Viện công nghiệp dược |
| 75 | | | 9190 | Viện trưởng viện y học lao động | Viện y học lao động |
| 76 | | | 9190 | Viện trưởng viện châm cứu | Viện châm cứu |
| 77 | | | 9190 | Viện trưởng viện bảo vệ sức khỏe người có tuổi | Viện bảo vệ sức khỏe người có tuổi |
| 78 | | | 9190 | Viện trưởng viện huyết học và truyền máu | Viện huyết học và truyền máu |
| 79 | | | 9190 | Viện trưởng viện thông tin và thư viện y học | Viện thông tin và thư viện y học |
| 80 | 8 | Chánh văn phòng | 8020 | Chánh văn phòng Bộ Y tế | Cơ quan Bộ Y tế |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0966393

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 81 | | Giám đốc | 8080 | Giám đốc trung tâm kiểm định quốc gia vácxin sinh phẩm | Trung tâm kiểm định quốc gia vácxin sinh phẩm |
| 82 | | Phân hiệu trưởng | 8120 | Phân viện trưởng phân viện sốt rét ký sinh trùng và côn trùng | Các phân viện sốt rét ký sinh trùng và côn trùng |
| 83 | | | 8110 | Phân hiệu trưởng phân hiệu cán bộ quản lý ngành y tế | Phân hiệu cán bộ quản lý ngành y tế |
| 84 | | | 8120 | Phân viện trưởng phân viện kiểm nghiệm dược phẩm | Phân viện kiểm nghiệm dược phẩm |
| 85 | | | 8120 | Phân viện trưởng phân viện dược liệu | Phân viện dược liệu |
| 86 | | | 8120 | Phân viện trưởng phân viện răng hàm mặt | Phân viện răng hàm mặt |
| 87 | | Quản đốc | 8140 | Quản đốc phân xưởng sản xuất thuốc | Phân xưởng sản xuất thuốc |
| 88 | | | 8140 | Quản đốc phân xưởng sản xuất dụng cụ y tế | Phân xưởng sản xuất dụng cụ y tế |
| 89 | | | 8220 | Trưởng hiệu thuốc huyện, quận, thị | Các hiệu thuốc huyện, quận, thị |
| 90 | | Trưởng đội | 8240 | Trưởng đội vệ sinh phòng dịch và chống sốt rét | Các đội vệ sinh phòng dịch và chống sốt rét |
| 91 | | | 8240 | Trưởng đội y tế lưu động | Các đội y tế lưu động |
| 92 | 8 | Trưởng khoa | 8290 | Trưởng khoa ngoại | Các khoa ngoại |
| 93 | | | 8290 | Trưởng khoa phụ sản | Các khoa sản của bệnh viện |
| 94 | | | 8290 | Trưởng khoa nội | Các khoa nội của bệnh viện |
| 95 | | | 8290 | Trưởng khoa nhi | Các khoa nhi của bệnh viện |
| 96 | | | 8290 | Trưởng khoa bảo vệ sức khỏe người có tuổi | Các khoa lão khoa của bệnh viện |
| 97 | | | 8290 | Trưởng khoa truyền nhiễm | Các khoa truyền nhiễm |
| 98 | | | 8290 | Trưởng khoa cấp cứu | Các khoa cấp cứu hồi sức |
| 99 | | | 8290 | Trưởng khoa gây mê | Các khoa gây mê |
| 100 | | | 8290 | Trưởng khoa da liễu | Các khoa da liễu |
| 101 | | | 8290 | Trưởng khoa mắt | Các khoa mắt |
| 102 | | | 8290 | Trưởng khoa giải phẫu bệnh | Các khoa giải phẫu bệnh |
| 103 | | | 8290 | Trưởng khoa tai mũi họng | Các khoa tai mũi họng |
| 104 | | | 8290 | Trưởng khoa y học dân tộc | Các khoa y học dân tộc |
| 105 | | | 8290 | Trưởng khoa dị ứng | Khoa dị ứng |
| 106 | | | 8290 | Trưởng khoa tâm thần | Các khoa tâm thần |
| 107 | | | 8290 | Trưởng khoa thần kinh | Các khoa thần kinh |
| 108 | | | 8290 | Trưởng khoa vật lý tiết niệu | Các khoa vật lý tiết niệu |
| 109 | | | 8290 | Trưởng khoa huyết học và truyền máu | Các khoa huyết học và truyền máu |
| 110 | | | 8290 | Trưởng khoa sinh hóa | Các khoa sinh hóa |
| 111 | | | 8290 | Trưởng khoa vi sinh vật | Các khoa vi sinh vật |
| 112 | | | 8290 | Trưởng khoa X quang | Các khoa X quang |
| 113 | | | 8290 | Trưởng khoa dược | Các khoa dược |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 114 | | | 8290 | Trưởng khoa dinh dưỡng | Các khoa dinh dưỡng |
| 115 | | | 8290 | Trưởng khoa y học phóng xạ | Các khoa y học phóng xạ |
| 116 | | | 8290 | Trưởng khoa răng hàm mặt | Các khoa răng hàm mặt |
| 117 | | | 8290 | Trưởng khoa y học thực nghiệm tế bào | Viện phụ sản |
| 118 | 8 | Trưởng phòng | 8310 | Trưởng phòng y vụ | Các bệnh viện và viện có giường bệnh |
| 119 | | | 8310 | Trưởng phòng vật tư kỹ thuật thiết bị y tế | Các bệnh viện và các viện |
| 120 | | | 8310 | Trưởng phòng tổ chức cán bộ | Các cơ sở y tế |
| 121 | | | 8310 | Trưởng phòng hành chính quản trị | Văn phòng Bộ Y tế, các đơn vị trực thuộc Sở y tế tỉnh, thành phố |
| 122 | | | 8310 | Trưởng phòng tài chính kế toán | Văn phòng Bộ Y tế, các đơn vị trực thuộc Bộ và Sở y tế |
| 123 | | | 8310 | Trưởng phòng khám đa khoa trung tâm | Bệnh viện đa khoa tỉnh, thành phố, quận, huyện |
| 124 | | | 8310 | Trưởng phòng khám bệnh đa khoa khu vực | Các huyện, quận, thị xã, y tế các ngành |
| 125 | | | 8310 | Trưởng phòng khám bệnh chuyên khoa | Bệnh viện chuyên khoa trung ương, tỉnh, thành phố và các viện chuyên khoa có giường |
| 126 | | | 8310 | Trưởng phòng giáo vụ | Các trường đại học y dược, trường trung học y dược, trường sơ học y dược |
| 127 | | | 8310 | Trưởng phòng giáo tài | |
| 128 | | | 8310 | Trưởng phòng quản lý sinh viên và học sinh | |
| 129 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu khoa học | Các trường đại học, viện nghiên cứu |
| 130 | | | 8310 | Trưởng phòng đào tạo sau đại học | Các trường đại học y dược |
| 131 | | | 8310 | Trưởng phòng chỉ đạo chuyên khoa | Các viện chuyên khoa và bệnh viện chuyên khoa |
| 132 | | | 8310 | Trưởng phòng sinh lý dinh dưỡng | Viện dinh dưỡng |
| 133 | | | 8310 | Trưởng phòng sinh hóa dinh dưỡng | Viện dinh dưỡng |
| 134 | | | 8310 | Trưởng phòng vệ sinh dinh dưỡng | Viện dinh dưỡng |
| 135 | | | 8310 | Trưởng phòng hóa thực phẩm | Viện dinh dưỡng |
| 136 | | | 8310 | Trưởng phòng vệ sinh thực phẩm | Viện dinh dưỡng |
| 137 | | | 8310 | Trưởng phòng kiểm nghiệm thực phẩm | Viện dinh dưỡng |
| 138 | | | 8310 | Trưởng phòng dinh dưỡng của trẻ em (chế độ ăn) | Viện dinh dưỡng |
| 139 | | | 8310 | Trưởng phòng kỹ thuật ăn uống | Viện dinh dưỡng |
| 140 | | | 8310 | Trưởng phòng đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế | Các viện nghiên cứu và bệnh viện chuyên khoa |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 141 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu lâm sàng bệnh sốt rét | Viện sốt rét ký sinh trùng và côn trùng |
| 142 | | | 8310 | Trưởng phòng ký sinh trùng | —nt— |
| 143 | | | 8310 | Trưởng phòng côn trùng | —nt— |
| 144 | | | 8310 | Trưởng phòng dịch tễ | Các viện vệ sinh dịch tễ |
| 145 | | | 8310 | Trưởng phòng vi trùng | —nt— |
| 146 | | | 8310 | Trưởng phòng vệ sinh công cộng | —nt— |
| 147 | | | 8310 | Trưởng phòng siêu vi trùng | —nt— |
| 148 | | | 8310 | Trưởng phòng vệ sinh lao động | —nt— |
| 149 | | | 8310 | Trưởng phòng Vácxin vi trùng | Viện Vácxin |
| 150 | | | 8310 | Trưởng phòng Vácxin siêu vi trùng | Viện Vácxin |
| 151 | | | 8310 | Trưởng phòng Vácxin thành phẩm | Viện Vácxin |
| 152 | | | 8310 | Trưởng phòng môi trường | Viện Vácxin |
| 153 | | | 8310 | Trưởng phòng kiểm định Vácxin | Viện Vácxin |
| 154 | | | 8310 | Trưởng phòng hóa thực vật | Viện dược liệu |
| 155 | | | 8310 | Trưởng phòng hóa phân tích | Viện dược liệu |
| 156 | | | 8310 | Trưởng phòng dược lý | Viện dược liệu trường đại học dược |
| 157 | | | 8310 | Trưởng phòng đông y thực nghiệm | Viện dược liệu |
| 158 | | | 8310 | Trưởng phòng sinh hóa vi trùng | Viện dược liệu và một số đơn vị |
| 159 | | | 8310 | Trưởng phòng điều tra sưu tầm dược liệu | Viện dược liệu |
| 160 | | | 8310 | Trưởng phòng bào chế thuốc | Viện dược liệu |
| 161 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu trồng thuốc | Viện dược liệu |
| 162 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu tiêu chuẩn thuốc | Viện kiểm nghiệm |
| 163 | | | 8310 | Trưởng phòng kiểm nghiệm sinh vật và vi sinh | Viện kiểm nghiệm |
| 164 | | | 8310 | Trưởng phòng kiểm nghiệm hóa lý | Viện kiểm nghiệm |
| 165 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu vật lý tiêu chuẩn thuốc | Viện kiểm nghiệm |
| 166 | | | 8310 | Trưởng phòng kiểm nghiệm đông dược và dược liệu | Viện kiểm nghiệm |
| 167 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu hóa pháp | Viện kiểm nghiệm |
| 168 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu thuốc chuẩn và thuốc thử | Viện kiểm nghiệm |
| 169 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiệp vụ y | Các Sở y tế tỉnh, thành phố và đặc khu |
| 170 | | | 8310 | Trưởng phòng y học dân tộc | —nt— |
| 171 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiệp vụ dược | —nt— |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 172 | | | 8310 | Trưởng phòng kế hoạch thống kê y tế | Các Sở y tế tỉnh, thành phố và đặc khu |
| 173 | | | 8310 | Trưởng phòng kế hoạch dược | Liên hiệp các xí nghiệp dược Việt Nam, các xí nghiệp và công ty dược phẩm |
| 174 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu dược liệu | Liên hiệp các xí nghiệp dược Việt Nam |
| 175 | | | 8310 | Trưởng phòng nghiên cứu kỹ thuật dược | — nt — |
| 176 | | | 8310 | Trưởng phòng quản lý kinh doanh dược | — nt — |
| 177 | | | 8310 | Trưởng phòng tổng hợp công tác y tế | Cơ quan Bộ Y tế |
| 178 | | | 8310 | Trưởng phòng hành chính lưu trữ | Văn phòng Bộ Y tế |
| 179 | | | 8310 | Trưởng phòng bảo vệ chính trị an toàn kinh tế | Cơ quan Bộ Y tế, các đơn vị lớn trực thuộc Bộ |
| 180 | | | 8310 | Trưởng phòng thống kê y tế | Cơ quan Bộ Y tế |
| 181 | | | 8310 | Trưởng phòng tài chính kế toán sự nghiệp | Vụ tài vụ y tế |
| 182 | | | 8310 | Trưởng phòng lễ tân | Vụ quan hệ y tế Bộ Y tế |
| 183 | | | 8310 | Trưởng phòng y tế huyện, quận và thị xã | Các quận, huyện và thị xã |
| 184 | 8 | Trưởng trại | 8330 | Trưởng trại dược liệu | Viện dược liệu và các Sở y tế |
| 185 | | | 8330 | Trưởng trại chăn nuôi súc vật thí nghiệm thuốc | Viện vệ sinh dịch tễ, viện vácxin |
| 186 | 8 | Trưởng trạm | 8340 | Trưởng trạm chuyên khoa mắt | Các trạm chuyên khoa mắt |
| 187 | | | 8340 | Trưởng trạm chuyên khoa da liễu | Các trạm chuyên khoa da liễu |
| 188 | | | 8340 | Trưởng trạm bướu cổ | Các trạm bướu cổ |
| 189 | | | 8340 | Trưởng trạm chuyên khoa lao | Các trạm chuyên khoa lao |
| 190 | | | 8340 | Trưởng trạm kiểm nghiệm dược phẩm | Các trạm kiểm nghiệm dược phẩm |
| 191 | | | 8340 | Trưởng trạm dược liệu | Các trạm dược liệu |
| 192 | | | 8340 | Trưởng trạm bảo vệ sức khỏe bà mẹ và sinh đẻ có kế hoạch | Các trạm bảo vệ sức khỏe bà mẹ và sinh đẻ có kế hoạch |
| 193 | | | 8340 | Trưởng trạm kiểm dịch | Các trạm kiểm dịch |
| 194 | | | 8340 | Trưởng trạm sốt rét ký sinh trùng và côn trùng | Các trạm sốt rét ký sinh trùng và côn trùng |
| 195 | | | 8340 | Trưởng trạm vật tư và sửa chữa thiết bị y tế | Các trạm vật tư và sửa chữa thiết bị y tế |
| 196 | | | 8340 | Trưởng trạm vận chuyển cấp cứu | Các trạm cấp cứu 05 |
| 197 | | | 8340 | Trưởng trạm vệ sinh phòng dịch | Các trạm vệ sinh phòng dịch |
| 198 | | | 8340 | Trưởng trạm vệ sinh lao động | Các trạm vệ sinh lao động |
| 199 | | | 8340 | Trưởng trạm y tế quốc lập | Các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 200 | 8 | Vụ trưởng | 8390 | Vụ trưởng vụ phòng bệnh, chữa bệnh | Cơ quan Bộ Y tế |
| 201 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ bảo vệ sức khỏe | Cơ quan Bộ Y tế |
| 202 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ y học dân tộc | Cơ quan Bộ Y tế |
| 203 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ vệ sinh phòng dịch | Cơ quan Bộ Y tế |
| 204 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ dược | Cơ quan Bộ Y tế |
| 205 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ kế hoạch | Cơ quan Bộ Y tế |
| 206 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ tài chính kế toán | Cơ quan Bộ Y tế |
| 207 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ đào tạo | Cơ quan Bộ Y tế |
| 208 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ tổ chức cán bộ | Cơ quan Bộ Y tế |
| 209 | | | 8390 | Vụ trưởng vụ khoa học kỹ thuật | Cơ quan Bộ Y tế |
| 210 | 8 | Y tá trưởng | 8400 | Y tá trưởng bệnh viện | Các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và các viện có giường |
| 211 | | | 8402 | Y tá trưởng khoa | Các khoa lâm sàng |
| 212 | | Chưa có trong bản chức danh gốc | | Trưởng bộ môn ngoại | Các bộ môn ngoại |
| 213 | | | | Trưởng bộ môn sản | Các bộ môn sản |
| 214 | | | | Trưởng bộ môn nội | Các bộ môn nội |
| 215 | | | | Trưởng bộ môn nhi | Các bộ môn nhi |
| 216 | | | | Trưởng bộ môn lao | Các bộ môn lao |
| 217 | | | | Trưởng bộ môn tiết niệu | Các bộ môn tiết niệu |
| 218 | | | | Trưởng bộ môn tâm thần | Các bộ môn tâm thần |
| 219 | | | | Trưởng bộ môn thần kinh | Các bộ môn thần kinh |
| 220 | | | | Trưởng bộ môn da liễu | Các bộ môn da liễu |
| 221 | | | | Trưởng bộ môn mắt | Các bộ môn mắt |
| 222 | | | | Trưởng bộ môn tai mũi họng | Các bộ môn tai mũi họng |
| 223 | | | | Trưởng bộ môn y học dân tộc | Các bộ môn y học dân tộc |
| 224 | | | | Trưởng bộ môn sinh lý bệnh | Các bộ môn sinh lý bệnh |
| 225 | | | | Trưởng bộ môn hóa sinh | Các bộ môn hóa sinh |
| 226 | | | | Trưởng bộ môn y hóa | Các bộ môn y hóa |
| 227 | | | | Trưởng bộ môn sinh lý thường | Các bộ môn sinh lý thường |
| 228 | | | | Trưởng bộ môn vi trùng | Các bộ môn vi trùng |
| 229 | | | | Trưởng bộ môn ký sinh trùng | Các bộ môn ký sinh trùng |
| 230 | | | | Trưởng bộ môn huyết học | Các bộ môn huyết học |
| 231 | | | | Trưởng bộ môn giải phẫu học | Các bộ môn giải phẫu |
| 232 | | | | Trưởng bộ môn y học phóng xạ | Các bộ môn y học phóng xạ |
| 233 | | | | Trưởng bộ môn giải phẫu bệnh | Các bộ môn giải phẫu bệnh |
| 234 | | | | Trưởng bộ môn phẫu thuật thực hành | Các bộ môn phẫu thuật thực hành |
| 235 | | | | Trưởng bộ môn dược lý | Các bộ môn dược lý |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09663937

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 236 | | | | Trưởng bộ môn y sinh học và di truyền | Các bộ môn y sinh học và di truyền |
| 237 | | | | Trưởng bộ môn tổ chức y tế | Các bộ môn tổ chức y tế |
| 238 | | | | Trưởng bộ môn răng hàm mặt | Các bộ môn răng hàm mặt |
| 239 | | | | Trưởng bộ môn mô phôi | Các bộ môn tổ chức học |
| 240 | | | | Trưởng bộ môn y vật lý | Các bộ môn y vật lý |
| 241 | | | | Trưởng bộ môn pháp y | Các bộ môn pháp y |
| 242 | | | | Trưởng bộ môn vật lý và toán | Các bộ môn vật lý và toán |
| 243 | | | | Trưởng bộ môn hóa phân tích và độc chất | Các bộ môn hóa phân tích và độc chất |
| 244 | | | | Trưởng bộ môn thực vật | Các bộ môn thực vật |
| 245 | | | | Trưởng bộ môn hóa hữu cơ | Các bộ môn hóa hữu cơ |
| 246 | | | | Trưởng bộ môn bào chế | Các bộ môn bào chế |
| 247 | | | | Trưởng bộ môn hóa dược | Các bộ môn hóa dược |
| 248 | | | | Trưởng bộ môn dược chính bảo quản | Các bộ môn dược chính bảo quản |
| 249 | | | | Trưởng bộ môn hóa vô cơ | Các bộ môn hóa vô cơ |
| 250 | | | | Trưởng bộ môn công nghiệp dược | Các bộ môn công nghiệp dược |
| 251 | | | | Trưởng bộ môn dược liệu | Các bộ môn dược liệu |
| 252 | | | | Trưởng bộ môn dược lực | Các bộ môn dược lực |
| 253 | 5 | Bác sĩ | 5010 | Bác sĩ đa khoa | Tuyến 2, 3 và y tế các ngành |
| 254 | | | 5018 | Bác sĩ cấp I chuyên khoa nội | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 255 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa hồi sức cấp cứu | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 256 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa ngoại | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 257 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa gây mê | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 258 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa ung thư | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 259 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa phụ sản | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 260 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa nhi | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 261 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa truyền nhiễm | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 262 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa da liễu | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 263 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa sốt rét | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 264 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa lao | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 265 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa chấn thương và chỉnh hình | Tuyến 3, 4 |
| 266 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa phục hồi chức năng | Tuyến 3, 4 |
| 267 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa phẫu thuật hàm mặt | Tuyến 4 và viện răng hàm mặt |
| 268 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa tai mũi họng | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 269 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa răng hàm mặt | Tuyến 2, 3 và 4 |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 270 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa mắt | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 271 | | | 5018 | Bác sĩ cấp I chuyên khoa tâm thần | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 272 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa thần kinh | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 273 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa y xã hội học | Các bộ môn tổ chức y tế và cán bộ nghiên cứu tuyến 2, 3 và 4 |
| 274 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa y học dân tộc | —nt— |
| 275 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa dinh dưỡng | |
| 276 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa sinh lý thường | Các trường đại học và trung học y |
| 277 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa sinh lý bệnh | Các bộ môn sinh lý bệnh |
| 278 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa giải phẫu | Các bộ môn giải phẫu |
| 279 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa giải phẫu bệnh | Các bộ môn khoa giải phẫu bệnh |
| 280 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa phẫu thuật thực hành | Bộ môn phẫu thuật thực hành |
| 281 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa pháp y | Bộ môn pháp y |
| 282 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa dược lý | Bộ môn dược lý |
| 283 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa y sinh học và di truyền | Bộ môn y sinh học và di truyền |
| 284 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa tiết niệu | Tuyến 3, 4 |
| 285 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa vệ sinh phòng dịch | Các trạm, viện vệ sinh phòng dịch |
| 286 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa vệ sinh lao động | Trạm vệ sinh lao động, trạm vệ sinh phòng dịch |
| 287 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa vệ sinh công cộng | Viện vệ sinh và viện vệ sinh dịch tễ |
| 288 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa X quang | Tuyến 3, 4 |
| 289 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa huyết học và truyền máu | Các khoa, viện, bộ môn huyết học |
| 290 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa vật lý trị niệu | Các khoa vật lý trị niệu |
| 291 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa mô phôi | Bộ môn tổ chức học, khoa, bộ môn dị ứng |
| 292 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa dị ứng | Khoa, bộ môn dị ứng |
| 293 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa người già | Các khoa và viện bảo vệ sức khỏe người có tuổi |
| 294 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa hóa sinh | Bộ môn hóa sinh |
| 295 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa vi sinh | Bộ môn và khoa vi sinh |
| 296 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa y học hàng hải | Các hải cảng |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 297 | | | | Bác sĩ cấp I chuyên khoa y học hàng không | Các sân bay |
| 298 | | | 5017 | Bác sĩ cấp II chuyên khoa y học dân tộc | Tuyến 3, 4 và viện y học dân tộc |
| 299 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa tiết niệu | Tuyến 3 và 4 |
| 300 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa vệ sinh dịch tễ | Các trạm, viện vệ sinh phòng dịch |
| 301 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa vệ sinh lao động | Trạm vệ sinh lao động, trạm vệ sinh phòng dịch, viện vệ sinh lao động |
| 302 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa X quang | Tuyến 3 và 4 |
| 303 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa huyết học và truyền máu | Các khoa, viện, bộ môn huyết học |
| 304 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa vật lý trị niệu | Các khoa vật lý trị niệu |
| 305 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa dị ứng | Khoa, bộ môn dị ứng |
| 306 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa bệnh người già | Các khoa và viện bảo vệ sức khỏe người có tuổi |
| 307 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa hóa sinh | Bộ môn hóa sinh |
| 308 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa nội | Tuyến 3 và 4 |
| 309 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa hồi sức cấp cứu | Tuyến 3 và 4 |
| 310 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa ngoại | Tuyến 3 và 4 |
| 311 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa gây mê | Tuyến 3 và 4 |
| 312 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa ung thư | Tuyến 4 |
| 313 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa phụ sản | Tuyến 3 và 4 |
| 314 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa nhi | Tuyến 3 và 4 |
| 315 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa truyền nhiễm | Tuyến 3 và 4 |
| 316 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa da liễu | Tuyến 3 và 4 |
| 317 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa sốt rét | Tuyến 3 và 4 |
| 318 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa lao | Tuyến 3 và 4 |
| 319 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa chấn thương chỉnh hình | Tuyến 4 và một số ở tuyến 3 |
| 320 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa phục hồi chức năng | Tuyến 3 và 4 |
| 321 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa phẫu thuật hàm mặt | Tuyến 4, viện và phân viện răng hàm mặt |
| 322 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa tai mũi họng | Tuyến 3 và 4 |
| 323 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa răng hàm mặt | Tuyến 3 và 4 |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09663937

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 324 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa mắt | Tuyến 3 và 4 |
| 325 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa tâm thần | Tuyến 3 và 4 |
| 326 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa thần kinh | Tuyến 3 và 4 |
| 327 | | | | Bác sĩ cấp II chuyên khoa y xã hội học | Tuyến 3 và 4 |
| 328 | 5 | Dược sĩ | 5040 | Dược sĩ chuyên khoa bào chế | Hiệu thuốc, khoa dược, xí nghiệp dược phẩm, viện công nghiệp dược |
| 329 | | | | Dược sĩ chuyên khoa dược liệu | Các trạm, công ty, phân viện, viện, bộ môn dược liệu |
| 330 | | | | Dược sĩ chuyên khoa sinh hóa | Các xí nghiệp dược phẩm, xí nghiệp hóa dược, viện công nghiệp dược, bộ môn dược sinh hóa khoa dược |
| 331 | | | | Dược sĩ chuyên khoa kiểm nghiệm dược phẩm | Các trạm kiểm nghiệm dược phẩm, phân viện kiểm nghiệm dược phẩm, viện kiểm nghiệm dược phẩm, các xí nghiệp dược phẩm, các khoa dược |
| 332 | | | | Dược sĩ chuyên khoa công nghiệp dược | Các xí nghiệp dược phẩm, xí nghiệp hóa dược, viện công nghiệp dược, bộ môn công nghiệp dược |
| 333 | 5 | Dược sĩ | 5048 | Dược sĩ cấp I chuyên khoa bào chế | Hiệu thuốc, khoa dược, xí nghiệp dược phẩm, công ty dược phẩm, viện công nghiệp dược |
| 334 | | | | Dược sĩ cấp I chuyên khoa dược liệu | Các trạm, công ty, phân viện, viện, bộ môn dược liệu |
| 335 | | | | Dược sĩ cấp I chuyên khoa sinh hóa | -nt- |
| 336 | | | | Dược sĩ cấp I chuyên khoa kiểm nghiệm dược phẩm | Viện, phân viện kiểm nghiệm dược phẩm, các xí nghiệp dược phẩm, các khoa dược |
| 337 | | | | Dược sĩ cấp I chuyên khoa công nghiệp dược | Các xí nghiệp dược phẩm, xí nghiệp hóa dược, viện công nghiệp dược, bộ môn công nghiệp dược |
| 338 | 5 | | 5047 | Dược sĩ cấp II chuyên khoa bào chế | Hiệu thuốc, khoa dược, xí nghiệp dược phẩm, công ty dược phẩm, viện công nghiệp dược |
| 339 | | | | Dược sĩ cấp II chuyên khoa dược liệu | Các trạm, công ty, phân viện, viện, bộ môn dược liệu |
| 340 | | | | Dược sĩ cấp II chuyên khoa sinh hóa | Các trạm, công ty, phân viện, viện, bộ môn dược liệu |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 341 | | | | Dược sĩ cấp II chuyên khoa kiểm nghiệm dược phẩm | Viện, phân viện kiểm nghiệm dược phẩm, các xí nghiệp dược phẩm, các khoa dược |
| 342 | | | | Dược sĩ cấp II chuyên khoa công nghiệp dược | Các xí nghiệp dược phẩm, xí nghiệp hóa dược, viện công nghiệp dược, bộ môn công nghiệp dược |
| 343 | 5 | Dược tá | 5050 | Dược tá | Kho thuốc, hiệu thuốc, xí nghiệp dược phẩm, công ty dược phẩm |
| 344 | 5 | Xét nghiệm viên | 5410<br>5418 | Kỹ thuật viên xét nghiệm cấp I chuyên khoa sốt rét | Tuyến 2 và 3 |
| 345 | | | | Kỹ thuật viên cấp I chuyên khoa ướp xác | Các trường đại học y |
| 346 | | | 5417 | Kỹ thuật viên xét nghiệm cấp II chuyên khoa sốt rét | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 347 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa phục hồi chức năng | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 348 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa răng giả | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 349 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa dinh dưỡng | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 350 | | | | Kỹ thuật viên huyết học truyền máu | Các khoa huyết học và viện huyết học |
| 351 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa sinh lý thường | Các trường đại học y và trung học y |
| 352 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa sinh lý bệnh | Các bộ môn sinh lý bệnh |
| 353 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa X quang | Tuyến 2, 3, 4, và các trạm lao |
| 354 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa giải phẫu | Các bộ môn giải phẫu |
| 355 | | | | Kỹ thuật viên phẫu thuật thực hành | Bộ môn phẫu thuật thực hành |
| 356 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa giải phẫu bệnh | Bộ môn và khoa giải phẫu bệnh |
| 357 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa pháp y | Bộ môn pháp y |
| 358 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa dược lý | Bộ môn dược lý |
| 359 | | | | Kỹ thuật viên vật lý trị niệu | Viện vật lý trị niệu |
| 360 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa y sinh học và di truyền | Bộ môn y sinh học và di truyền |
| 361 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa vệ sinh dịch tễ | Các trạm vệ sinh phòng dịch tễ và đội vệ sinh phòng dịch |
| 362 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa mô phôi | Bộ môn tổ chức học |
| 363 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa hóa sinh | Bộ môn hóa sinh |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0966393927

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 364 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa vi sinh | Bộ môn và khoa vi sinh |
| 365 | | | | Kỹ thuật viên khoa bào chế | Kho thuốc, hiệu thuốc, xí nghiệp dược phẩm, công ty dược phẩm |
| 366 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa dược liệu | Các trạm, công ty, phân viện, viện, môn dược liệu |
| 367 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa sinh hóa dược | Các xí nghiệp dược phẩm, xí nghiệp hóa dược, viện công nghiệp dược, bộ môn dược sinh hóa, khoa dược |
| 368 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa kiểm nghiệm dược phẩm | Các trạm kiểm nghiệm dược phẩm, viện kiểm nghiệm dược phẩm, phân viện kiểm nghiệm dược phẩm, các xí nghiệp dược phẩm, các khoa dược |
| 369 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa công nghiệp dược | Các xí nghiệp dược phẩm, xí nghiệp hóa dược, viện công nghiệp dược, bộ môn công nghiệp dược |
| 370 | | | | Kỹ thuật viên cấp II chuyên khoa ướp xác | Các trường đại học y |
| 371 | | | 5416 | Kỹ thuật viên cấp cao chuyên khoa | Các viện, các bệnh viện và trường trung học kỹ thuật y tế |
| 372 | 5 | Lương y | 5190 | Lương y | Tuyến 1, 2, 3, 4 và các viện y học dân tộc |
| 373 | | Nữ hộ sinh | 5390 | | |
| | | | 5398 | Nữ hộ sinh cấp I | Tuyến 1 |
| 374 | | | 5397 | Nữ hộ sinh cấp II | Tuyến 2, 3 và 4, viện phụ sản, các bệnh viện phụ sản, khoa phụ sản và trường kỹ thuật y tế |
| 375 | | | 5396 | Nữ hộ sinh cấp cao | Tuyến 2, 3 và 4, viện phụ sản, các bệnh viện phụ sản và trường trung học kỹ thuật y tế |
| 376 | 5 | Y sĩ | 5420 | Y sĩ đa khoa (hệ trung cấp) | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 377 | | | | Y sĩ chuyên khoa nội | Tuyến 2 và 3 |
| 378 | | | | Y sĩ chuyên khoa hồi sức cấp cứu | Tuyến 2 |
| 379 | | | | Y sĩ chuyên khoa ngoại | Tuyến 2 |
| 380 | | | | Y sĩ chuyên khoa gây mê | Tuyến 2 và 3 |
| 381 | | | | Y sĩ chuyên khoa phụ sản | Tuyến 2 |
| 382 | | | | Y sĩ chuyên khoa nhi | Tuyến 2 |
| 383 | | | | Y sĩ chuyên khoa truyền nhiễm | Tuyến 2 |
| 384 | | | | Y sĩ chuyên khoa da liễu | Tuyến 2 và 3 |
| 385 | | | | Y sĩ chuyên khoa sốt rét | Tuyến 1, 2 và 3 và y tế các ngành |
| 386 | | | | Y sĩ chuyên khoa lao | Tuyến 2 |
| 387 | | | | Y sĩ chuyên khoa phục hồi chức năng | Tuyến 2 và 3 |
| 388 | | | | Y sĩ chuyên khoa tai mũi họng | Tuyến 2 |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 389 | | | | Y sĩ chuyên khoa răng hàm mặt | Tuyến 2 |
| 390 | | | | Y sĩ chuyên khoa mắt | Tuyến 2 |
| 391 | | | | Y sĩ chuyên khoa tâm thần | Tuyến 2 |
| 392 | | | | Y sĩ chuyên khoa thần kinh | Tuyến 2 |
| 393 | | | | Y sĩ chuyên khoa y học dân tộc | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 394 | | | | Y sĩ chuyên khoa vệ sinh dịch tễ | Đội vệ sinh phòng dịch, trạm vệ sinh phòng dịch |
| 395 | | | | Y sĩ chuyên khoa vệ sinh lao động | Trạm vệ sinh lao động, trạm vệ sinh phòng dịch, viện vệ sinh lao động |
| 396 | | | | Y sĩ chuyên khoa vệ sinh công cộng | Trạm vệ sinh phòng dịch |
| 397 | | | | Y sĩ chuyên khoa X quang | Tuyến 2, 3, 4 và trạm chống lao |
| 398 | | | 5426 | Y sĩ cấp cao đa khoa hệ cao đẳng | Tuyến 1, 2 và một số ở tuyến 3 |
| 399 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa nội | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 400 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa hồi sức cấp cứu | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 401 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa ngoại | Tuyến 1, 2 và 4 |
| 402 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa phụ sản | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 403 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa nhi | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 404 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa da liễu | Tuyến 2 và 3 |
| 405 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa | Tuyến 1, 2, 3, 4 |
| 406 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa lao | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 407 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa tai mũi họng | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 408 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa răng hàm mặt | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 409 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa mắt | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 410 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa thần kinh | Tuyến 2 và 3 |
| 411 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa y học dân tộc | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 412 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa vệ sinh dịch tễ | Đội vệ sinh phòng dịch, trạm vệ sinh phòng dịch |
| 413 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa vệ sinh lao động | Trạm vệ sinh lao động, trạm vệ sinh phòng dịch, viện vệ sinh lao động |
| 414 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa vệ sinh công cộng | Viện vệ sinh và trạm vệ sinh |
| 415 | | | | Y sĩ cấp cao chuyên khoa X quang | Tuyến 2, 3, 4 và trạm chống lao |
| 416 | 5 | Y tá | 5430<br>5438 | Y tá cấp I đa khoa (y tá sơ cấp) | Tuyến 1, 2, 3 |
| 417 | | | | Y tá cấp I chuyên khoa nội | Tuyến 2 và 3 |
| 418 | | | | Y tá cấp I chuyên khoa nhi | Tuyến 2 |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09663937

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|
| 419 | | | | Y tá cấp I chuyên khoa lao | Tuyến 1 và 2 |
| 420 | | | | Y tá cấp I chuyên khoa thần kinh | Tuyến 2 và 3 |
| 421 | | | | Y tá cấp I chuyên khoa da liễu | Tuyến 1, 2 và 3 |
| 422 | | Y tá | 5437 | Y tá cấp II đa khoa (y tá trung cấp) | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 423 | | | 5437 | Y tá cấp II chuyên khoa nội | Tuyến 2, 3, 4 và các viện có giường |
| 424 | | Y tá | | Y tá cấp II chuyên khoa ngoại | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 425 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa nhi | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 426 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa truyền nhiễm | Tuyến 3 và 4 |
| 427 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa chấn thương chỉnh hình | Tuyến 3 và 4 |
| 428 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa mắt | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 429 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa lao | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 430 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa tai mũi họng | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 431 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa gây mê | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 432 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa hồi sức cấp cứu | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 433 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa tâm thần | Tuyến 3 và 4 |
| 434 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa thần kinh | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 435 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa da liễu | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 436 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa ung thư | Tuyến 3 và 4 |
| 437 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa răng hàm mặt | Tuyến 2, 3 và 4 |
| 438 | | | | Y tá cấp II chuyên khoa tiết niệu | Tuyến 3 và 4 |
| 439 | | | 5436 | Y tá cấp cao chuyên khoa | Các bệnh viện, các viện và các trường trung học kỹ thuật y tế |
| 440 | | Nhân viên chưa có trong bản chức danh gốc | | Nhân viên nhà xác | Các nhà xác |
| 441 | | Nhân viên phục vụ | 0080 | Nhân viên phục vụ y tế | Hộ lý các bệnh viện, các phòng xét nghiệm và một số đơn vị trực thuộc Bộ, trực thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố |

*Ghi chú:* Tuyến 1 là tuyến xã
Tuyến 2 là tuyến huyện
Tuyến 3 là tuyến tỉnh, thành phố và đặc khu
Tuyến 4 là tuyến Trung ương.

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG XUẤT BẢN
In tại Nhà máy in Tiến Bộ Hà Nội

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0966393937